



### MÁY NGHIỀN HÀM TRỤC KHUYỬ ĐƠN TEREX JAQUES

- ▲ Thiết kế khỏe
- ▲ Cửa nạp liệu lớn
- ▲ Hiệu suất cao
- ▲ Chi phí khai thác thấp

# Máy nghiền hàm trục khuỷu đơn

Trải qua 130 năm sản xuất máy nghiền hàm, chúng tôi đã dành được danh tiếng trong lĩnh vực sản xuất các thiết bị siêu tải phù hợp với những điều kiện nghiền khó khăn nhất và máy nghiền gặp phải.



Ứng dụng đặc trưng của máy nghiền hàm trục khuỷu đơn của chúng tôi là trong lĩnh vực khai mỏ, các mỏ đá và tái chế. Máy nghiền hàm dùng cho nghiền các loại quặng, đá sỏi và tái chế bê tông.

Những thiết bị mạnh mẽ này được chế tạo từ các thiết bị khỏe cho việc khai thác ổn định và lâu dài.

Mỗi máy được sự hỗ trợ tổng hợp của Terex Jaques về dịch vụ hậu mãi và các phụ tùng thay thế.

## ▼ Lợi ích và tính năng

### ▶ **Khung liên khối siêu khỏe**

Mỗi hàn dầy chịu ứng suất lớn

### ▶ **Sức bền mỏi**

Trục lệch tâm đường kính lớn bằng thép hợp kim được đánh bóng hoàn thiện và không có các vết xước có thể là nguyên nhân dẫn tới sự tập trung ứng suất.

### ▶ **Căn chỉnh với chuyển vị là hằng số.**

Các ổ bi trụ cầu có khả năng tự căn chỉnh.

### ▶ **Phân bố đều tải trọng nghiền**

Vị trí gia công trên má nghiền.

### ▶ **Bảo vệ hàm động và vị trí đỡ trên thân máy.**

Tấm ốp lưng má nghiền có thể thay thế được

### ▶ **Thiết kế ổ bi ngăn được bụi và nước**

Gioăng chống bụi

### ▶ **Gia tăng tuổi thọ cho trục khuỷu và gối đỡ trục khuỷu**

Điểm lắc cuối của trục khuỷu không yêu cầu bôi trơn. Trục khuỷu lăn trên bề mặt phẳng của gối đỡ trục khuỷu. Ma sát được giữ ở mức tối thiểu và không cần bôi trơn.

### ▶ **Má động được thiết kế để xử lý các điều kiện nghiền khó khăn**

Thép đúc và gia công chính xác

### ▶ **Thiết kế để thuận tiện việc bảo dưỡng**

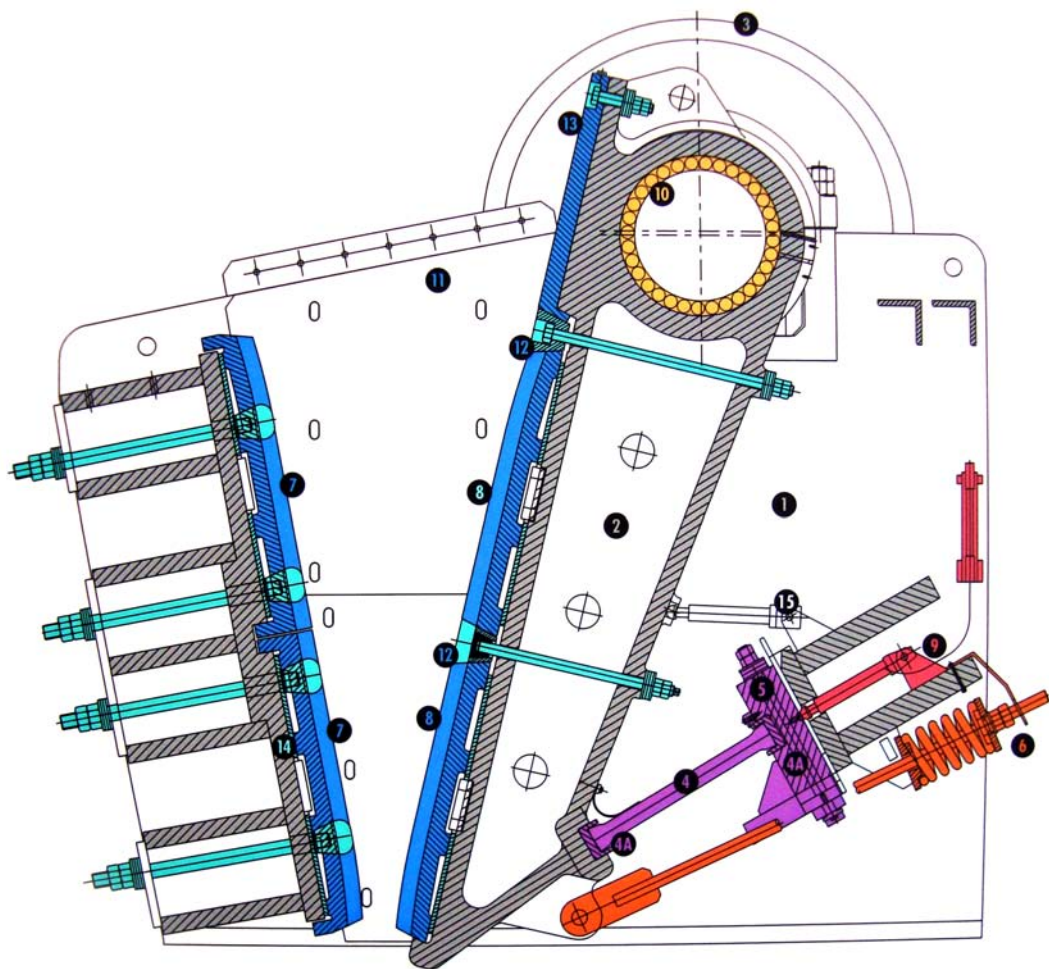
Trục khuỷu bằng thép đúc có thể tháo rời từ khung chính như một bộ phận lắp ráp

### ▶ **Vận hành êm**

- Bánh đà cân bằng và dẫn động bằng pully

## Chi tiết cấu trúc máy nghiền hàm trục khuỷu đơn

### ▼ Mặt cắt ngang của máy nghiền hàm trục khuỷu đơn



#### Ghi chú

- Các chi tiết chịu mài mòn
- Các ổ bi đỡ trục
- Các chi tiết chung
- Khung chính & hàm động
- Hệ thống thủy lực
- Cơ khí trục khuỷu
- Bộ thanh chống

1	Khung chính	8	Má nghiền di động
2	Hàm động	9	Điều chỉnh thủy lực
3	Bánh đà và pully rãnh V	10	Cụm trục chính
4	Trục khuỷu	11	Tấm lót bên
4A	Gối đỡ trục khuỷu	12	Nệm chặn má nghiền
5	Bộ trục khuỷu	13	Tấm bảo vệ ổ bi má động
6	Bộ thanh chống	14	Tấm lưng thay thế được
7	Má nghiền cố định	15	Dụng cụ bảo dưỡng

### ► Khung chính

Thiết kế siêu tải hoàn toàn trên tất cả các model. Khử hoàn toàn ứng suất sau khi lắp ráp. Thiết kế của chúng tôi đã được thử nghiệm kỹ lưỡng trong các điều kiện khó khăn.

Các khung siêu tải từ thép tấm carbon thấp, được gia cố bằng các xương gia cường, các bộ phận quan trọng được chế tạo với tất cả các bề mặt lắp ráp được gia công đầy đủ để căn chỉnh chính xác.



### ► Trục chính

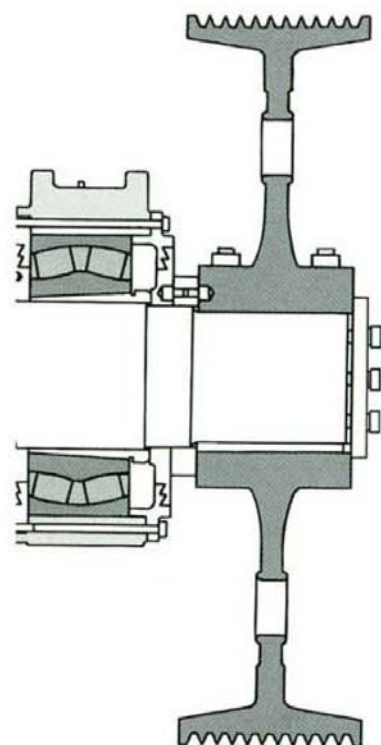
Được rèn và tôi từ thép hợp kim cứng với đường kính đặc biệt lớn để phù hợp với các ứng dụng nặng nhọc. Khả năng chịu mỏi cao do xử lý tốt bề mặt, hạn chế các đường ren, gờ nơi tập trung ứng suất.

### ► Ổ bi

Ổ bi siêu tải tự căn chỉnh, hai hàng đũa trụ trên cả má độn và trục chính.

### ► Gioăng chống bụi

Sử dụng gioăng chống bụi



## Chi tiết cấu trúc máy nghiền hàm trục khuỷu đơn

### ▶ Má hàm nghiền

Mặt sau của hàm nghiền được gia công tạo giá đỡ chắc chắn. Má nghiền hai mảnh có thể đảo đầu trên các máy nghiền cỡ lớn giúp tối đa tuổi thọ của má nghiền. Tám lạng má nghiền được cung cấp để bảo vệ điểm tiếp xúc của má nghiền, cụm giữ hàm và bảo vệ vỏ ổ bi.

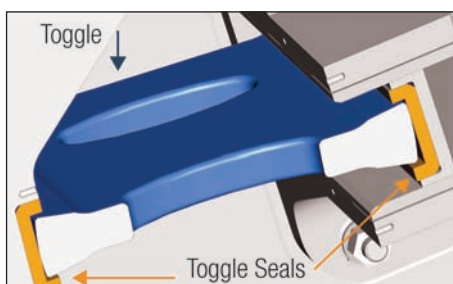


### ▼ Trục khuỷu ( Thanh chống)

Trục khuỷu lăn tròn trên bề mặt phẳng của gối đỡ trục khuỷu. Không có sự cọ xát hay xáo trộn diễn ra và ma sát được giữ ở mức tối thiểu. Kiểu trục khuỷu này có những ưu điểm hơn những kiểu trục khuỷu thông thường như sau:

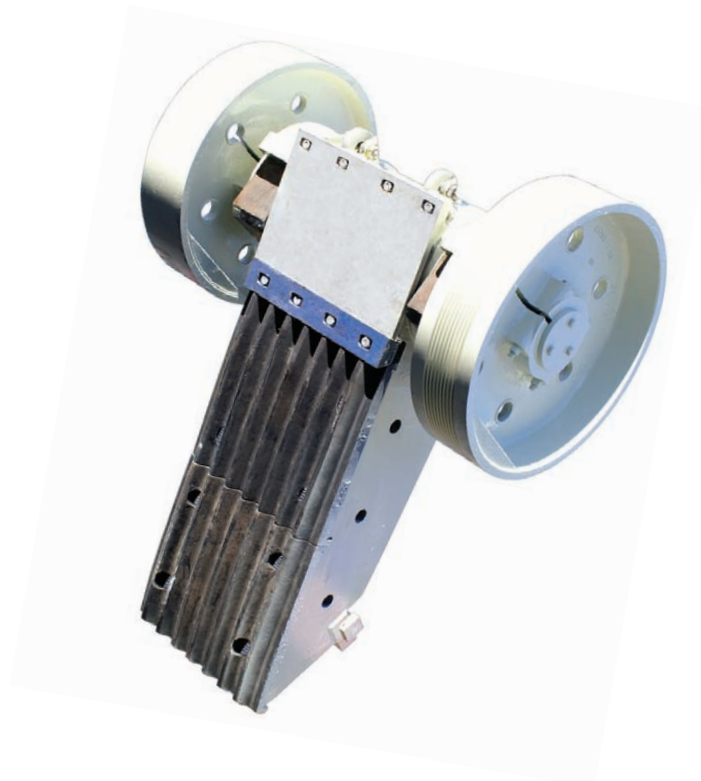
- Không cần bôi trơn
- Hệ thống có thể xử lý áp lực nghiền lớn hơn

- Tuổi thọ của trục khuỷu và gối đỡ trục khuỷu lớn hơn rất nhiều

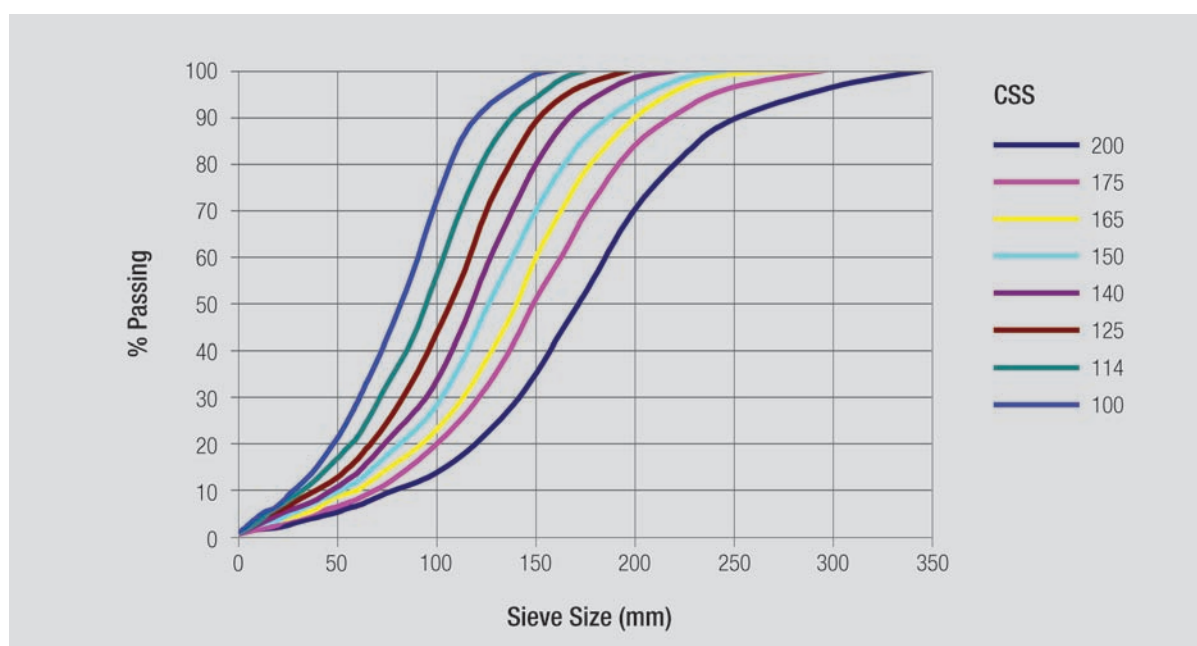


### ▼ Hàm động và ổ bi chính

Có thể tháo rời với khung chính. Hàm động có cấu trúc hộp khô, được xử lý bề mặt hoàn toàn bằng máy giúp hỗ trợ các chuyển động của hàm.



## Dải hạt sản phẩm của nghiền hàm



Lưu ý: Những đường cong sản phẩm này chỉ được sử dụng tham khảo. Sản phẩm máy nghiền phụ thuộc vào đặc tính nguyên liệu đầu vào. Vui lòng tham khảo Terex Jaques để được tư vấn về phân cấp cỡ hạt cho các nguyên liệu đầu vào cụ thể.

### ▲ Lựa chọn máy và phân bố cỡ hạt

Các đường cong điển hình được minh họa chỉ đưa ra một dải rất rộng về sản phẩm có khả năng được tạo ra. Các yếu tố ảnh hưởng rõ rệt đến kết quả là:

- Cấu trúc của vật liệu
- Phân bố cỡ hạt đầu vào
- Độ dốc của sàng lọc
- Mức độ nạp đầy thường xuyên

Chúng tôi vui lòng kiểm tra mẫu, thử nghiệm khả năng nghiền và tư vấn cho khách hàng

### ▲ Công suất máy nghiền

Các bảng đi kèm cung cấp đầu ra điển hình cho loạt máy của chúng tôi. Để đáp ứng chi tiết từng yêu cầu, chúng tôi cần khảo sát từng loại vật liệu cụ thể.

### Độ cứng của máy

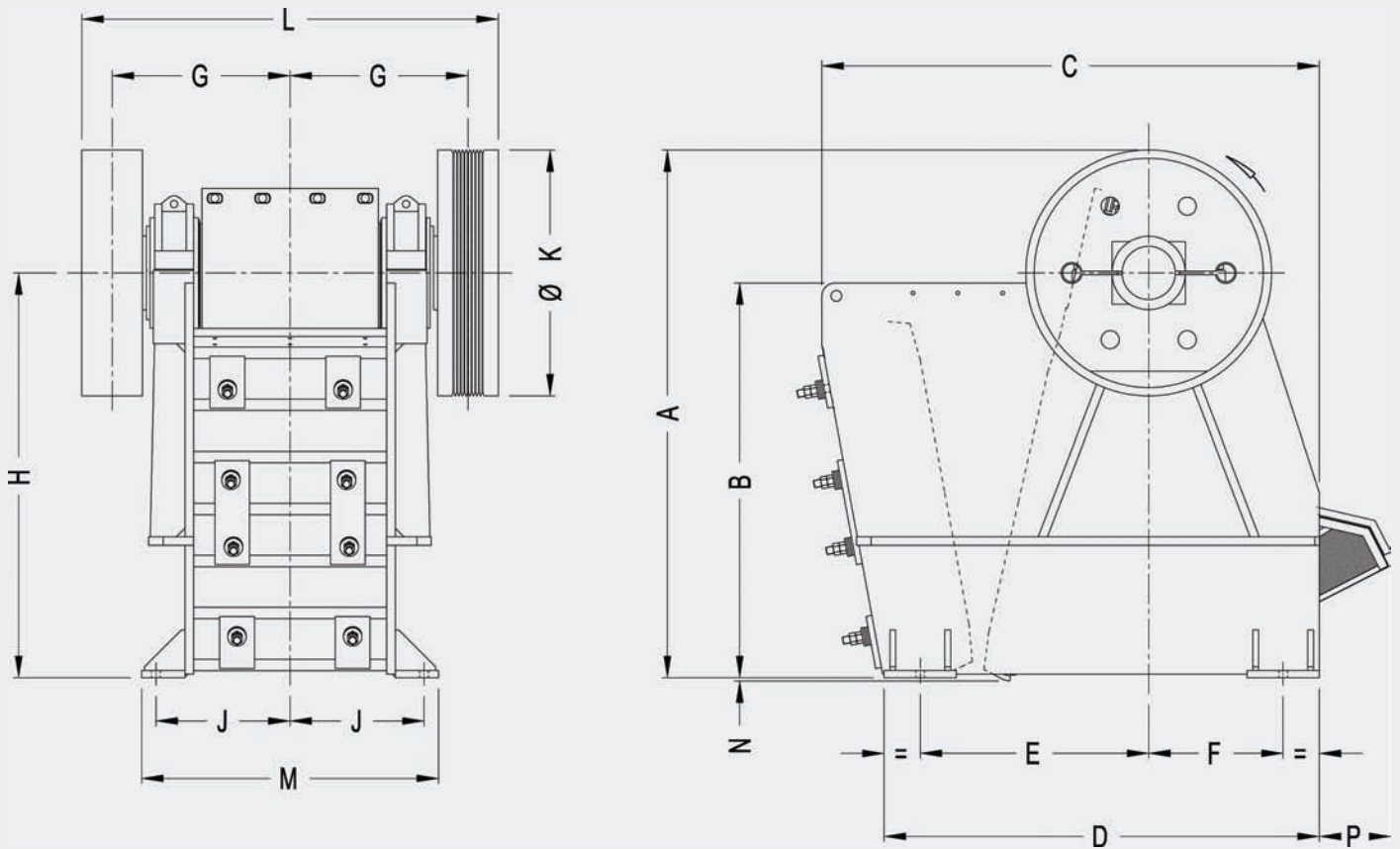
Một sự khác biệt lớn ở đường kính ổ bi, độ cứng của trục, độ cứng của khung và độ chắc khỏe tổng thể trong việc chế tạo. Trong một số nước trên thế giới vật liệu chính tự nhiên rất mềm và các máy có thiết kế vừa phải cũng được đón nhận.

Chúng tôi đã phát hiện ra rằng hầu hết các điều kiện làm việc tại Úc luôn luôn đặt tải đặc biệt nặng liên tục và máy móc của chúng tôi được thiết kế để đáp ứng các nhu cầu này..

### Các tùy chọn sẵn có:

- Hệ thống bôi trơn tự động cho ổ bi và gioăng làm kín
- Cảm biến nhiệt độ ổ bi
- Hệ dẫn động
- Kích trục
- Nắp bảo vệ bánh đà và cụm dẫn động

## Kích thước & Đặc điểm kỹ thuật của máy nghiền hàm trục khuỷu đơn





		Đặc điểm kỹ thuật của máy			
		Model			
		Độ mở hàm nghiền			
		ST47 (1220 x 915 mm) 48 x 36 inch	ST48 (1220 x 1065 mm) 48 x 42	ST54 (1370 x 1145 mm) 54 x 45	ST60 (1500 x 1275mm ) 60 x 50 inch
A	mm	3190	3645	3860	4140
	inch	125.6	143.5	151.9	163
B	mm	2250	2725	3070	3170
	inch	88.6	107.3	120.9	124.8
C	mm	3370	3440	3745	4170
	inch	132.7	135.4	147.4	164.2
D	mm	3005	3010	3605	3720
	inch	118.3	118.5	141.9	146.5
E	mm	1400	1580	1978	2020
	inch	55.1	62.2	77.9	79.5
F	mm	1100	930	822	900
	inch	43.3	36.6	32.4	35.4
G	mm	1245	1230	1410	1420
	inch	49	48.4	55.5	55.9
H	mm	2340	2795	2935	3170
	inch	92.1	110	115.6	124.8
J	mm	927	927	940	1110
	inch	36.5	36.5	37	43.7
K	mm	1700	1700	1845	1940
	inch	67	67	72.6	76.4
L	mm	2910	2880	3355	3190
	inch	114.5	113.4	132	125.6
M	mm	2055	2055	2335	2420
	inch	80.9	80.9	92	95.3
N	mm	60	50	250	0
	inch	2.4	1.9	9.8	0
P	mm	430	445	525	300
	inch	17	17.5	20.7	11.9
R	mm	1350	1180	1220	1300
	inch	53.1	46.5	48.1	51.2

Lưu ý: Kích thước hiển thị chỉ là gần đúng và có thể thay đổi - Chỉ sử dụng bản vẽ lắp đặt được chứng nhận cho mục đích xây dựng. Ròng rọc dẫn động chỉ trên máy này.

## Kích thước & Đặc điểm kỹ thuật của máy nghiền hàm trục khuỷu đơn

### **Bảng công suất**

Bên trái của bảng đề cập đến kích cỡ máy nghiền hàm Terex Jaques và các thông tin chung liên quan đến công suất và khối lượng

### **Bản vẽ lắp đặt**

Bản vẽ lắp đặt chứng nhận được cung cấp như một phần của hợp đồng cho mỗi máy nghiền.

### **Bu lông móng**

Bu lông móng không được trang bị trừ khi được đặt hàng đặc biệt với chi phí phụ.

### **Dữ liệu để lựa chọn nghiền hàm**

- Chủng loại vật liệu nghiền
- Khối lượng riêng của vật liệu
- Cấp hạt và kích thước đầu vào lớn nhất
- Đặc tính của vật liệu cứng, mềm, dẹt, ẩm hoặc ướt, kết dính, có lẫn sét hoặc các vật liệu nguy hại hay không?
- Công suất tính theo tấn trên giờ  
Phương pháp cấp liệu vào. Cấp liệu xích hay cấp liệu thanh ghi sàng.

Thông tin đầy đủ được cung cấp như ở trên sẽ cho phép chúng tôi nghiên cứu và dự tính việc lắp đặt và đưa ra các khuyến nghị về kích thước của máy nghiền phù hợp nhất với yêu cầu đề xuất.

Công suất gần đúng tính bằng tấn mỗi giờ						
Độ mở khe xà		Đơn vị	Model (Độ mở hàm)			
(mm)	(inch)		ST47 (1220 x 915 mm) 48 x 36 inch	ST48 (1220 x 1065 mm) 48 x 42 inch	ST54 (1370 x 1145 mm) 54 x 45 inch	ST60 (1500 x 1275 mm) 60 x 50 inch
100		mtpH	190 - 210			
	4	stph	209 - 231			
114		mtpH	230 - 260			
	4.5	stph	253 - 287			
125		mtpH	265 - 295	285 - 315	310 - 345	
	5	stph	292 - 325	314 - 347	342 - 380	
140		mtpH	310 - 340	335 - 370	360 - 395	
	5.5	stph	342 - 375	369 - 408	397 - 435	
150		mtpH	340 - 370	370 - 410	390 - 430	465 - 515
	6	stph	375 - 408	408 - 452	430 - 474	512 - 568
165		mtpH	380 - 420	405 - 450	440 - 480	520 - 575
	6.5	stph	419 - 463	446 - 496	485 - 529	573 - 634
175		mtpH	410 - 450	445 - 490	475 - 525	555 - 615
	7	stph	452 - 496	490 - 540	523 - 579	612 - 678
200		mtpH	485 - 535	535 - 590	550 - 600	625 - 690
	8	stph	534 - 590	590 - 650	606 - 661	689 - 760
225		mtpH	550 - 610	585 - 650	630 - 690	700 - 775
	9	stph	606 - 672	645 - 716	694 - 760	771 - 854
250		mtpH		660 - 730	690 - 760	775 - 860
	10	stph		727 - 804	760 - 838	854 - 948
275		mtpH			780 - 860	855 - 945
	11	stph			860 - 948	942 - 1041
300		mtpH				930 - 1030
	12	stph				1025 - 1135
Tốc độ tối đa		Vòng/phút	225	225	215	200
		-	-	-	-	-
Công suất tối đa		kW	150	185	225	250
		HP	200	250	300	335
Dây đai		mm	1690 9SPC	1690 9SPC	1830 13D	1930 10SPC
		inch	66.15	66.53	72	77
Mức nâng lớn nhất		Tấn	13.0	15.8	25	31.5
		Lbs	28650	34825	55100	69425
Tổng khối lượng		Tấn	37.0	42.0	58.0	77.2
		Lbs	81550	92570	127830	170150

Lưu ý: Công suất trên được dựa trên việc nghiền vật liệu khô, tự do, dễ vỡ, có mật độ khối lượng 1600Kg / m<sup>3</sup>. Công suất và cấp phối sản phẩm tiếp theo sẽ bị ảnh hưởng bởi phương pháp cấp liệu, đặc điểm của vật liệu đầu vào, độ ẩm, độ cứng, kích thước vật liệu và hình dạng. Tất cả thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.



**MÁY NGHIỀN HÀM TRỤC KHUYỬ ĐƠN TEREX JAQUES**

- ▲ Thiết kế siêu tải
- ▲ Cửa nạp liệu lớn
- ▲ Hiệu suất cao
- ▲ Chi phí sản xuất thấp

The Terex Jaques product range also includes apron feeders, jaw crushers, vibrating screens, grizzlies and impactors. For more information about Terex Jaques Single Toggle Jaw Crushers or other products, contact a Terex Jaques technical advisor.

**AUSTRALIA**

Email [jaques@terex.com.au](mailto:jaques@terex.com.au)  
Web [www.terexjaques.com.au](http://www.terexjaques.com.au)

**Melbourne**

Phone (+61 3) 8551 9300  
Fax (+61 3) 8551 9364

**Perth**

Phone (+61 8) 9458 5566  
Fax (+61 8) 9350 5534

**Sydney**

Phone (+61 2) 9604 6524  
Fax (+61 2) 9604 9368

**Brisbane**

Phone (+61 7) 3630 0866  
Fax (+61 7) 3630 1097

**MALAYSIA**

**Kuala Lumpur**

Phone (+60 3) 5631 6199  
Fax (+60 3) 5631 6187  
Email [jaques@po.jaring.my](mailto:jaques@po.jaring.my)

**THAILAND**

**Bangkok**

Phone (+66 2) 692 6666  
Fax (+66 2) 692 6697  
Email [jaquesth@ksc.th.com](mailto:jaquesth@ksc.th.com)

**VIETNAM**

**Ha Noi**

Phone (+84 24) 3513 4082/3  
Fax (+84 24) 3568 0398  
Phone 0913217811  
Email [huynh@nguyenvinh.vn](mailto:huynh@nguyenvinh.vn)

**Ho Chi Minh City**

Phone 0936307866  
Email [hoang@nguyenvinh.vn](mailto:hoang@nguyenvinh.vn)